

Bản án số: **11/2017/DSST**

Ngày: 22/8/2017

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

2. Bà Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2017/TLST – DS ngày 21 tháng 6 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2017/QĐXXST – DS ngày 08 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 18/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Phú H; sinh năm: 1964 (*có mặt tại phiên tòa*)

Bà Nguyễn Thị Đ; sinh năm: 1972 (*có mặt tại phiên tòa*)

Cùng địa chỉ: thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Ông Võ Văn P; sinh năm: 1965 (*có mặt tại phiên tòa*)

Bà Bùi Thị M; sinh năm: 1972 (*vắng mặt tại phiên tòa*)

Cùng địa chỉ: thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Đào Phú H và bà Nguyễn Thị Đ thống nhất trình bày: Do có quan hệ quen biết trong việc mua bán nông sản, vợ chồng ông P bà M là người thu mua nông sản, còn vợ chồng ông H bà Đ là người thường bán nông sản. Do vợ chồng ông

P bà M nói thiếu vốn làm ăn và hỏi vay tiền nên vợ chồng ông H bà Đ có cho vợ chồng ông P bà M vay tiền nhiều lần cụ thể:

+ Lần 01: Vào ngày 27/5/2011 vợ chồng ông P bà M vay số tiền 100.000.000đồng, hai bên có làm giấy tay, bà M viết giấy nợ và bà M ký tên. Vợ chồng ông H bà Đ mang tiền ra nhà ông P bà M. Ông P không ký tên nhưng có biết việc vay tiền này, mục đích bà M ông P vay tiền là để thu mua nông sản. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, thỏa thuận thời hạn trả hết mùa điều chỉ thỏa thuận miệng không ghi trong giấy tờ.

+ Lần 02: Vào ngày 07/8/2013 vợ chồng ông P bà M vay số tiền 100.000.000đồng, hai bên có làm giấy tay, bà M viết giấy nợ và bà M ký tên. Ông P không ký tên nhưng có biết việc vay tiền này, mục đích bà M ông P vay tiền là để thu mua nông sản. Khi vay thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, thỏa thuận thời hạn trả hết mùa điều năm 2014.

+ Lần 03: Vào ngày 17/12/2015 vợ chồng ông P bà M vay số tiền 200.000.000đồng, hai bên có làm giấy tay, bà M viết giấy nợ và bà M ký tên. Ông P không ký tên nhưng có biết việc vay tiền này. Khi vay thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thỏa thuận thời hạn trả hết mùa điều năm 2016 trả.

Tổng số tiền mà ông P bà M vay là 400.000.000đồng

Đến thời hạn vợ chồng ông P bà M không trả theo thỏa thuận.

Đối với số tiền lãi ông P bà M đã trả số tiền 170.000.000đồng đến hết tháng 12/2016.

Ngoài ra ông P và bà M còn nợ số cà phê nhân:

Vào vụ cà phê năm 2016 vợ chồng ông H bà Đ có ký gửi số cà phê nhân cho vợ chồng ông P bà M tổng cộng 2417.4kg. Đến ngày 05/4/2017 thì hai bên chốt giá là 45.000đồng/1kg. Giấy ký nhận nợ cà phê nhân ngày 05/4/2017 do con gái ông P viết và ông P ký tên. Ký tại nhà ông P. Lúc vợ chồng ông ký gửi có mặt bà M ông P, bà M viết số ký cho tôi. Đến ngày chốt giá thì chỉ có mặt ông P.

Do đó, vợ chồng ông H bà Đ khởi kiện yêu cầu ông P bà M trả số tiền gốc 400.000.000đồng, tiền cà phê nhân là 108.770.000đồng. Tổng cộng 508.770.000đồng. Đối với tiền lãi 24.000.000đồng ông H bà Đ đã rút yêu cầu trước khi Tòa án ra quyết định xét xử. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình xét xử bị đơn ông Võ Văn P trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của vợ chồng ông H bà Đ. Ông thừa nhận có vay số tiền 400.000.000đồng và có nợ cà phê nhân 2417.4kg. Chữ ký trong giấy ký nhận nợ cà phê nhân là chữ ký của tôi, Số tiền vợ chồng tôi vay mục đích để làm ăn và tiêu dùng trong gia đình. Việc vay tiền bà Bùi Thị M là người trực tiếp viết giấy nợ và nhận tiền, tôi có biết và đồng ý việc vay tiền này. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H bà Đ, vợ chồng ông đồng ý trả tiền gốc đã vay 400.000.000đồng, tiền cà phê nhân là 108.770.000đồng. Tổng cộng 508.770.000đồng cho vợ chồng ông H bà Đ. Đối với việc khởi kiện của ông H

bà Đ, sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án ông P có thông báo cho bà M biết, bà M đồng ý trả tiền cho ông H bà Đ nhưng do bận công việc nên bà M không thể trực tiếp tham gia giải quyết vụ án. Đối với số tiền lãi vợ chồng ông đã trả cho ông H bà Đ, ông P không yêu cầu giải quyết.

** Những vấn đề các bên đã thừa nhận:* Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận việc vay tiền nhiều lần tổng cộng số tiền đã vay 400.000.000đồng và nợ tiền cả phê nhân 2417.4kg với số tiền 108.770.000đồng.

Đối với số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn các bên không yêu cầu giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 428, 431, 438, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông P bà M liên đới trả cho ông H bà Đ số tiền đã vay 400.000.000đồng, tiền cả phê nhân chưa thanh toán 108.770.000đồng. Tổng cộng 508.770.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị M là bị đơn trong vụ án, mặc dù bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị M.

[2] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Phú H và bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ông P bà M trả số tiền vay 400.000.000đồng:

Ông P xác nhận ông có vay của ông H bà Đ ba lần với tổng số tiền 400.000.000đ. Từ khi vay cho đến nay ông P bà M chưa trả khoản tiền gốc nào cho ông H bà Đ. Ông P chỉ trả tiền lãi cho bà ông H bà Đ. Hiện nay ông P bà M còn nợ số tiền gốc là 400.000.000đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc ông P bà M vay tiền của ông H bà Đ là có thật. Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..”. Như vậy, bên vay tài sản đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của ông H bà Đ về việc trả số tiền vay 400.000.000đ là có cơ sở.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Phú H và bà Nguyễn Thị Đ yêu thanh toán số 2417.4kg cà phê nhân với số tiền 108.770.000đồng: Ông P xác nhận ông P và bà M có mua số cà phê nhân của vợ chồng ông H bà Đ với số lượng 2417.4kg, sau đó đến ngày 05/4/2017 thì hai bên chốt giá là 45.000đồng/1kg. Tổng số tiền còn nợ từ việc mua bán cà phê là 108.770.000đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc ông P bà M mua bán và còn nợ 2417.4kg cà phê nhân của vợ chồng ông H bà Đ là có thật. Khoản 1 Điều 428, 438 của Bộ luật Dân sự quy định: “Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản và nhận tiền còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả đủ tiền cho bên bán”. Như vậy, bên mua tài sản đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của ông H bà Đ về việc trả số tiền còn nợ từ hợp đồng mua bán tài sản với số tiền 108.770.000đồng là có cơ sở.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2017 và tại phiên tòa, ông P đều thừa nhận: Khi vay tiền thì bà M là người trực tiếp vay và ký nhận giấy tờ biên nhận, ông có biết và nhận tiền. Mục đích vay tiền là để làm ăn thu mua nông sản và chi phí sinh hoạt trong gia đình và việc vay tiền này vợ chồng ông đều biết, đồng ý việc vay và trả tiền. Lời khai của ông P phù hợp với nội dung giấy biên nhận ngày 17/12/2015, ngày 27/5/2011, 07/8/2013 (bút lục số 05,06,08).

Đối với việc mua bán cà phê nhân thì ông P là người trực tiếp cân ký và nhận cà phê. Giấy biên nhận các lần vay tiền đều do bà M viết và ký nhận. Tòa án đã tổng đạt văn bản hợp lệ cho bà M, ông P thừa nhận có liên lạc với bà M và cam đoan giao giấy tờ cho bà M. Nhưng do bà M bận công việc nên không tham gia phiên tòa.

Căn cứ vào Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình cần buộc ông P và bà M chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc 400.000.000đ và tiền nợ từ hợp đồng mua bán cà phê nhân số tiền 108.770.000đồng cho ông H bà Đ .

[5] Đối với số tiền lãi ông P bà M đã trả cho ông H bà Đ : Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Đối với tiền lãi 24.000.000đồng theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 24/7/2017 ông H bà Đ rút yêu cầu tính tiền lãi. Theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tiền lãi.

[6] Về án phí: Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp tiền án phí theo luật định.

[7] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 428, 431, 438, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Phú H và bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

Buộc bị đơn ông Võ Văn P và bà Bùi Thị M liên đới trả cho nguyên đơn ông Đào Phú H bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay 400.000.000đ và tiền cả phê nhân 108.770.000đồng. Tổng cộng là 508.770.000đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 24.000.000đồng.

2/ Về án phí: Buộc bị đơn ông Võ Văn P bà Bùi Thị M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 24.351.080đồng

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Đào Phú H bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí là 12.655.000đồng theo biên lai thu tiền số 0021348 ngày 21 tháng 6 năm 2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2017), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Điền Thị Hạnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- Dương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hạnh